Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 6701.00.00

Mã HS	6701.00.00
Mô tả hàng hóa	Da và các bộ phận khác của loài chim có lông vũ hoặc lông tơ, lông vũ, các phần của lông vũ, lông tơ và các sản phẩm làm từ chúng (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 05.05 và các ống, lông cánh, lông đuôi đã chế biến)
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 21:38:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/67010000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10117
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10117
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10117
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9621
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9572
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9572
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9572
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9572
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9572
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9572
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E9624
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9624

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9624
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9624
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9624
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9624
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E9625
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F9625
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9625
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9625
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9625
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9625
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9626
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9578
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9584
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9584
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9584
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9584
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9584
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9584
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9609
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9609
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9609
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9609
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9609
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9609
VCFTA	2022	2022	4	VC!D9656
VCFTA	2023	2023	2	VC!E9656

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F9656
VCFTA	2025	2025	0	VC!G9656
VCFTA	2026	2026	0	VC!H9656
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9656
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D9635
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E9635
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F9635
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9635
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9635
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9635
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D9647
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E9647
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F9647
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G9647
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H9647
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9647
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D9658
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E9658
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F9658
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9658
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9658
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9658
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D9657
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E9657
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F9657
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9657

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9657
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9657
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9604
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9604
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9604
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9604
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9604
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9604
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9604
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9641
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9641
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9641
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9641
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9641
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9641
RCEP B	2022	2022	0	B!D9641
RCEP B	2023	2023	0	B!E9641
RCEP B	2024	2024	0	B!F9641
RCEP B	2025	2025	0	B!G9641
RCEP B	2026	2026	0	B!H9641
RCEP B	2027	2027	0	B!I9641
RCEP C	2022	2022	0	C!D9641
RCEP C	2023	2023	0	C!E9641
RCEP C	2024	2024	0	C!F9641
RCEP C	2025	2025	0	C!G9641
RCEP C	2026	2026	0	C!H9641

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9641
RCEP D	2022	2022	0	D!D9640
RCEP D	2023	2023	0	D!E9640
RCEP D	2024	2024	0	D!F9640
RCEP D	2025	2025	0	D!G9640
RCEP D	2026	2026	0	D!H9640
RCEP D	2027	2027	0	D!I9640
RCEP E	2022	2022	0	E!D9644
RCEP E	2023	2023	0	E!E9644
RCEP E	2024	2024	0	E!F9644
RCEP E	2025	2025	0	E!G9644
RCEP E	2026	2026	0	E!H9644
RCEP E	2027	2027	0	E!I9644
RCEP F	2022	2022	0	F!D9641
RCEP F	2023	2023	0	F!E9641
RCEP F	2024	2024	0	F!F9641
RCEP F	2025	2025	0	F!G9641
RCEP F	2026	2026	0	F!H9641
RCEP F	2027	2027	0	F!I9641
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F8923
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G8923
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H8923
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I8923

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6701.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 6701.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10117), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.